

Bản án số: 07/2025/HS-ST

Ngày: 23 - 01- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2025/TLST-HS, ngày 13/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình N – Sinh năm 1973; Số CCCD: 038173011559

Nơi ĐKNKTT: Thôn Q, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình N1 (đã chết) và bà Mai Thúy H, sinh năm 1948; Gia đình có 10 anh em, bị cáo là con thứ ba; vợ Nguyễn Thị D, sinh năm 1974 và có 2 con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997.

Nhân thân: Ngày 13/6/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng – Tàu xử phạt 9 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt từ ngày 22/10/2005. Ngày 06/11/2006 thi hành xong phần án phí, ngày 30/8/2011 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam ngày 19/11/2024. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị L – Sinh năm 1992; Số CCCD: 038192007111

Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Thôn E, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Ích S, sinh năm 1956 và bà Lê Thị M, sinh năm 1959; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ ba; có 01 con sinh năm 2016.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/8/2024 đến ngày 23/8/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đăng H1 – Sinh năm 1987; Số CCCD: 038087009161

Nơi ĐKNKTT: Thôn E, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1959 và bà Đào Thị N2, sinh năm 1960; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ hai;

Nhân thân:

Ngày 1/4/2014 Công an phường P, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 10/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 29/8/2019 H1 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 21/11/2018 nộp án phí HSST.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/8/2024 đến ngày 23/8/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T. Có mặt tại phiên tòa

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2024, Nguyễn Đình N gặp một người đàn ông không quen biết ở khu vực quận H, thành phố Hà Nội và hỏi mua 2.000.000đ tiền ma túy đá thì được người đàn ông này đưa cho một túi nilon bên trong chứa ma túy, N đem về nhà để sử dụng dần.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 14/8/2024, Lê Thị L dùng tài khoản zalo “Nỗi lòng em”, nhắn tin đến tài khoản zalo “Nguyen Tien Dai” của Nguyễn Đình N hỏi mua ma túy thì được N đồng ý, hai bên hẹn gặp nhau ở cổng làng Q, xã K, huyện T, L dùng tài khoản Ngân hàng số 0961253536, ngân hàng M1 mang tên Lê Thị L chuyển đến số TK 1033251574 ngân hàng V của Nguyễn Đình N số tiền 2.000.000đ. Sau khi chuyển tiền xong L đi đến địa điểm đã hẹn trước, khoảng 10 phút sau N đi xe mô tô đến và đưa cho L 1 gói giấy bạc bên trong là túi ni lông màu trắng có chứa ma túy đá.

Sau khi mua được ma túy L đem về nhà Nguyễn Đăng H1 (L và H1 chung sống với nhau như vợ chồng) ở thôn E, xã N, huyện T, L mở gói ma túy vừa mua của N lấy một phần nhỏ bỏ vào túi nilong màu trắng, quần băng dính màu đen và bọc bằng khẩu trang, số ma túy còn lại L để trên bàn và nói H1 cất giấu.

Lê Thị L cầm gói ma túy quần băng dính màu đen đi bán, L vừa đi ra đến đầu ngõ thì bị Tổ công tác Công an huyện T bắt quả tang, thu giữ 10 gói giấy màu trắng bên trong chứa một túi nilong màu trắng có chứa chất rắn màu trắng nghi là ma túy đá (niêm phong ký hiệu N1), 01 điện thoại Iphone 7 màu hồng đã qua sử dụng.

Khám xét nơi ở của Nguyễn Đăng H1 thu giữ 01 túi nilong màu trắng bên trong chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể nghi là ma túy đá (niêm phong ký hiệu H1); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa màu trắng có nắp màu

vàng, ống hút bằng nhựa màu trắng và màu xanh; 01 điện thoại sam sung Galaxy J7 màu xám đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đình N thu giữ: 01 điện thoại Samsung Galaxy A34, 01 điện thoại Samsung màu vàng và số tiền 20.500.000đ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định. Tại Bản kết luận giám định số 3039 /KL – KTHS ngày 20/8/2024 của phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chất rắn màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu N1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,201g loại Methamphetamine; chất rắn màu trắng dạng tinh thể của phong bì niêm phong ký hiệu H1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 1,639g loại Methamphetamine.

Vật chứng: Chuyển 1 phong bì niêm phong do phòng K Công an tỉnh T phát hành; 1 thùng catton dán kín; 1 phong bì niêm phong mẫu vật mã số PS3A108252 dán kín; 1 xe moto BKS 36M5 – 154.66; 01 phong bì niêm phong mẫu vật đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn bảo quản.

*Cáo trạng số 07/ CT - VKS –TS, ngày 13/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Đình Ngàn và Lê Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Đăng H1 về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình N và Lê Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Đăng H1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 (khoản 2 đối với N) Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với Nguyễn Đình N từ 33 tháng đến 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/11/2024.

Hình phạt đối với Lê Thị Liên T 30 tháng đến 34 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/8/2024

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Hình phạt đối với Nguyễn Đăng H1 từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/8/2024

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định

- Truy thu của Nguyễn Đình N 2.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động của Lê Thị L và 01 điện thoại di động của Nguyễn Đình N.
- Trả lại cho H1 1 điện thoại di động do không liên quan đến hành vi phạm tội.
- Trả lại 1 xe mô tô cho bà Nguyễn Thị D.

Tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội, thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng theo bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo rất ân hận và mong Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào hồi 11 giờ 45 phút, ngày 14/8/2024, tại công làng thôn Q, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Đình N bán trái phép 1,840g ma túy loại methamphetamine cho Lê Thị L với giá 2.000.000đ.

Số ma túy mua của N, L đem về nhà Nguyễn Đăng H1 lấy 0,201g ma túy loại methamphetamine đem đi bán, phần còn lại 1,639g ma túy loại methamphetamine L đưa cho Nguyễn Đăng H1 cất giấu tại nhà Nguyễn Đăng H1 ở thôn E, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Mục đích để H1 sử dụng.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Đình N và Lê Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Đăng H1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Đình N, Lê Thị L và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng của Nguyễn Đăng H1 là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, ma túy còn là tệ nạn xã hội, hủy hoại con người về thể chất, tinh thần và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức được tính nguy

hiểm và biết rõ ma túy có tác hại nghiêm trọng trong đời sống xã hội nhưng vẫn bất chấp pháp luật, không chịu tu dưỡng, rèn luyện. Do đó cần xử các bị cáo mức án nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này Nguyễn Đình N là người đi mua ma túy về bán cho Lê Thị L nên N giữ vai trò chính; Lê Thị L mua ma túy của N về chia nhỏ bán kiếm lời và cho H1 để sử dụng nên giữ vài trò sau Ngàn.

Nguyễn Đăng H1 được L mua ma túy và đem về cho H1 cất giấu để sử dụng nên H1 chịu trách nhiệm độc lập về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng
- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đình N có ông nội được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến hạng ba; Nguyễn Đăng H1 sau khi phạm tội ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, do đó cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định
- Tịch thu tiêu hủy 01 áo ba lô, quần lửng, 01 mũ cối, 01 chai nhựa màu trắng có nắp màu vàng, trên nắp chai đục 2 lỗ gắn ống màu trắng và xanh
- Truy thu số tiền hưởng lợi bất chính của Nguyễn Đình N 2.000.000đ sung ngân sách Nhà nước,
- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước 1 điện thoại di động của Nguyễn Đình N và 1 điện thoại di động của Lê Thị L
- Trả lại cho H1 1 điện thoại di động do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với xe mô tô BKS 36M5 – 154.66, do bà Nguyễn Thị D (vợ bị cáo N) mua để làm phương tiện đi lại cho gia đình, bà D không biết N dùng xe để đi bán ma túy nên trả lại xe mô tô cho bà Nguyễn Thị D.

[7] Về nguồn gốc ma túy: Nguyễn Đình N khai mua của một người đàn ông không quen biết, không rõ tên, tuổi, địa chỉ tại quận H, thành phố Hà Nội. Ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu nào khác, nên cơ quan cảnh sát điều

tra Công an huyện T không có căn cứ xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 251, Điều 249 Bộ luật hình sự

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Đình N và bị cáo Lê Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Nguyễn Đăng H1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, (khoản 2 đối với N) Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N: 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/11/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L: 30 (ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/8/2024

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng H1: 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/8/2024

- Vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định

- Truy thu 2.000.000đ của Nguyễn Đình N nộp ngân sách Nhà nước,

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước của Ngàn 1 điện thoại Samsung Galaxy A34 và 1 điện thoại Iphone 7 màu hồng của L (đang được niêm phong)

- Trả lại cho H1 1 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu xám. (đang được niêm phong)

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo ba lô, quần lửng, 01 mũ cối, 01 chai nhựa màu trắng có nắp màu vàng, trên nắp chai đục 2 lỗ gắn ống màu trắng và xanh

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị D 1 xe mô tô BKS 36M5 – 154.66

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 17 ngày 16/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn)

- Về án phí: Áp dụng điều 135, 136, Điều 333 BLTTHS; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh TH;
- VKSND Triệu Sơn;
- Công an Triệu Sơn;
- Thi hành án DS Triệu Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hùng Lê Hữu T1

Lê Thị L1